

Organic synthesis

A-Level Chemistry · Vocabulary

English	中文	Pinyin
 functional group	官能团	guān néng tuán
 acyl chloride	酰氯	xiān lǜ
 phenol	苯酚	běn fēn
 arene	芳烃	fāng tīng
 electrophilic substitution	亲电取代	qīn diàn qǔ dài
↓ reduction	还原	huán yuán
↑ oxidation	氧化	yǎng huà
 carboxylic acid	羧酸	suō suān
 ester	酯	zhǐ
 amine	胺	àn
 amide	酰胺	xiān àn
 nitrile	腈	jīng
 synthetic route	合成路线	hé chéng lù xiàn
 reagent	试剂	shì jì
 addition-elimination	加成消去	jiā chéng xiāo qù
 by-product	副产物	fù chǎn wù